TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-PT
Ngày 07 - 11 - 2025
V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tuấn Long.

Các Thẩm phán: Bà Tòng Thị Hiền - Bà Lại Thị Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La: Bà Hoàng Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 20025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2025/HNGĐ-PT ngày 16 tháng 10 năm 2025 về việc; Xin ly hôn.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 03A/2025/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 2 - Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2025/QĐXXPT-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lò Văn H, sinh ngày 01/5/1985; Số căn cước công dân: 014085009974; Nơi cư trú: Tiểu khu NC, xã TC, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Chị Quàng Thị H, sinh ngày 23/3/1989; Số căn cước công dân: 014309009113; Nơi cư trú: Tiểu khu NC, xã TC, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lò Văn C, sinh ngày 01/01/1952; Số căn cước công dân:

014052000097; Nơi cư trú: Tiểu khu NC, xã TC, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

- Bà Quàng Thị P, sinh ngày 01/6/1954; Số căn cước công dân: 014154000091; Nơi cư trú: Tiểu khu NC, xã TC, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

- Ông Lường Văn M; Nơi cư trú: Tiểu khu N, xã TC, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Bà Quàng Thị C; Nơi cư trú: Tiểu khu N, xã TC, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Quàng Thị C: Ông Lường Văn M; Nơi cư trú: Tiểu khu NC, xã TC , tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Người kháng cáo: Bị đơn chị Quàng Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Lò Văn H trình bày:*

Anh và chị Quàng Thị H kết hôn với nhau từ ngày 20/10/2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện ThC, tỉnh Sơn La. Anh, chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn anh và chị H chung sống hoà thuận hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính phát sinh mâu thuẫn là do khác biệt quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không tìm được tiếng nói chung, anh chị đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Nay anh nhận thấy cuộc hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích chung vợ chồng không thể kéo dài, anh làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Quàng Thị H.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng anh, chị sinh được 02 con chung: Cháu Lò Trường H, sinh ngày 20/10/2006 (cháu đã trưởng thành đủ khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết) và cháu Lò Nguyệt A, sinh ngày 25/7/2009. Anh Lò Văn H đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lò Nguyệt A

cho đến khi cháu trưởng thành, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống anh chị tạo dựng được một ngôi nhà sàn gỗ 03 gian 02 tầng, được xây trên mảnh đất mua của ông Lường Văn M (người trong bản) có diện tích khoảng 97m2 đến nay đất vẫn chưa được cấp quyền sử dụng đất với giá 60.000.000 đồng là tiền bố mẹ anh bỏ ra và các tài sản sinh hoạt trong gia đình gồm: Một chiếc tivi, một chiếc tủ lạnh, một bộ bàn ghế phòng khách; một chiếc xe máy Vision. Nguồn gốc hình thành tài sản là số tiền hỗ trợ di dân tái định cư. Nếu được ly hôn anh đề nghị chia tài sản chung, nếu ai được sử dụng đất, được sở hữu nhà và tài sản trên đất phải có trách nhiệm trả lại cho ông Lò Văn C, bà Quàng Thị P số tiền ông bà đóng góp vào số tài sản chung của vợ chồng. Còn lại giá trị tài sản chung của hai vợ chồng nhất trí chia ½ giá trị. Ai được ai được sử dụng đất và được sở hữu nhà và tài sản trên đất có trách nhiệm hoàn trả chênh lệch ½ giá trị tài sản chung của vợ chồng.

Đối với số tiền 514.418.000 đồng cả gốc và lãi gửi tiết kiệm tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La là tiền đền bù di dân tái định cư thủy điện Lai Châu đền bù cho gia đình anh. Số tiền gửi ngân hàng anh đã rút từ ngày 25/8/2022, sổ tiết kiệm mang tên anh. Tổng cộng anh giữ số tiền 514.418.000 đồng, số tiền gửi tiết kiệm anh đã đi rút về để chi tiêu vào việc ăn uống, sinh hoạt gia đình như: Để chữa chân cho cháu Lò Trường H, mua gạo, mua thức ăn, tiền học, tiền ăn sáng, các khoản tiền điện, nước hàng tháng. Chị H đề nghị chia ½ khoản tiền này anh không nhất trí với lý do vì đây không phải tài sản chung của vợ chồng mà là tiền đền bù di dân tái định cư thủy điện Lai Châu của bố mẹ anh là ông Lò Văn C, bà Quàng Thị P.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Anh và chị H có nợ ông Lò Văn C và bà Quàng Thị P số tiền là 3.000.000 đồng là số tiền mừng nhà mới, số tiền 60.000.000 đồng ông C và bà P mua đất cho anh chị. Nay xin ly hôn anh yêu cầu mỗi người trả ½ số nợ chung.

** Bị đơn chị Quàng Thị H trình bày:*

Vợ chồng anh, chị kết hôn với nhau từ ngày 20/10/2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã CL, huyện TC, tỉnh Sơn La. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Anh, chị chung sống hoà thuận hạnh phúc với nhau được

một thời gian và có 02 con chung tại huyện MT, tỉnh Lai Châu. Nhưng sau đó chị phát hiện anh H nghiện chất ma túy đã được gia đình khuyên bảo nhiều lần. Đến năm 2014 anh chị chuyển giai đình về sinh sống tại bản NC, xã CL, huyện Thuận C, tỉnh Sơn La. Do anh H nghiện chất ma túy đã đi cai nghiện nhiều lần, chửi mắng đánh đập vợ con, đuổi chị ra khỏi nhà. Đến tháng 5/2023 chị phải về chung sống với bố mẹ đẻ ngay cạnh hai vợ chồng anh chị, anh H đã lấy một người nữ về ở chung sống như vợ chồng. Hiện nay anh chị đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2023 cho đến nay, không ai quan tâm tới cuộc sống của ai. Chị Quàng Thị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn với anh Lò Văn H.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống anh, chị sinh được 02 con chung đúng như anh H trình bày, chị nhất trí để anh Lò Văn H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lò Nguyệt A, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống chị anh tạo dựng được khối tài sản chung như sau:

- Một ngôi nhà sàn gỗ 03 gian 02 tầng, được xây trên mảnh đất mua của ông Lường Văn M (người trong bản) có diện tích khoảng 97m2 đến nay đất vẫn chưa được cấp quyền sử dụng đất với giá 60.000.000 đồng và các tài sản sinh hoạt trong gia đình gồm: Một chiếc tivi, một chiếc tủ lạnh, một bộ bàn ghế phòng khách; một chiếc xe máy Vision. Nếu được ly hôn chị đề chia ½ giá trị tài sản chung.

- Số tiền 514.418.000 đồng gửi tiết kiệm tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La cả gốc và lãi là tiền đền bù di dân tái định cư thủy điện Lai Châu do anh Lò Văn H đứng tên tại sổ tiết kiệm. Chị đề nghị anh H hoàn chênh lệch ½ cho chị số tiền gửi tiết kiệm và lãi là 514.418.000 đồng: 2 = 257.209.000 đồng, anh H đã rút tiền tiết kiệm tại ngân hàng không cho chị biết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị và anh H có nợ ông Lò Văn C và bà Quàng Thị P số tiền là 3.000.000 đồng là số tiền ông bà mừng nhà mới anh chị, nay được ly hôn chị nhất trí yêu cầu mỗi người trả ½ số nợ. Đối với số tiền 60.000.000 đồng theo lời trình bày của anh H, ông C bà P chị không nhất trí, khi chuyển nhà mua đất do

anh chị chi số tiền 60.000.000 đồng mua đất của ông Lường Văn M và bà Quàng Thị C.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lò Văn C và bà Quàng Thị P trình bày:*

Hai vợ chồng ông bà chuyển về chung sống cùng với vợ chồng anh H, chị H từ năm 2015, lúc đó vợ chồng anh H, chị H đã làm nhà xong, hai vợ chồng ông mới chuyển về sinh sống cùng và có đóng góp là xây tường bao quanh nhà, làm khung cửa sổ hết 10.000.000 đồng, 02 khối ván gỗ và 30.000.000 đồng để mua xe máy vision. Còn lại ngôi nhà là do hai vợ chồng anh H, chị H chuyển khung từ nhà cũ và tiền đền bù di dân tái định cư thủy điện Lai Châu để làm. Riêng về mảnh đất làm nhà là do hai vợ chồng ông bà mua của ông Lường Văn M (người cùng bản) với số tiền 60.000.000 đồng. Số tiền là hai vợ chồng ông bà bán 06 con bò để cho vợ chồng anh H, chị H mua đất của ông Lường Văn M. Nay anh chị H H xin ly hôn, ông Lò Văn C và bà Quàng Thị P đề nghị: Nếu chị H được sử dụng đất, được sở hữu nhà và tài sản trên đất phải có trách nhiệm trả cho ông Lò Văn C, bà Quàng Thị P số tiền 49.694.000 đồng. Còn nếu Tòa tuyên cho anh H được hữu nhà và đất thì ông bà không yêu cầu anh H trả số tiền này.

Còn đối với số tiền gửi tiết kiệm (cả gốc và lãi) là: 514.418.000 đồng gửi tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La là tài sản của vợ chồng ông bà, anh H đã đi rút về để chi tiêu vào việc ăn uống, sinh hoạt gia đình như: Để chữa chân cho cháu Lò Trường H, mua gạo, mua thức ăn, tiền học, tiền ăn sáng, các khoản tiền điện, nước hàng tháng. Ông Lò Văn C và bà Quàng Thị P không yêu cầu lấy lại số tiền gốc và lãi vì đã chi tiêu hết. Chị H đề nghị chia ½ khoản tiền này với anh H, ông bà không nhất trí.

Về nợ chung: Ông Lò Văn C và bà Quàng Thị P đề nghị anh H và chị H phải trả số tiền là 60.000.000 đồng để mua đất và số tiền là 3.000.000 đồng số tiền ông bà mừng nhà mới anh chị. Nay ông bà yêu cầu anh H và chị H mỗi người trả ½ số nợ cho ông bà.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lường Văn M bà Quàng Thị C trình bày:*

Gia đình ông có chuyển nhượng cho vợ chồng anh H, chị H một mảnh đất có trong bìa đỏ của ông, bà (hiện nay đất vẫn chưa tách bìa) khoảng 97m2 ở tại bản NC, xã CL (nay là tiểu khu NC, xã TC, tỉnh Sơn La) với giá 60.000.000 đồng. Hai vợ chồng ông bà không được mua bán, trao đổi với hai vợ chồng ông Lò Văn C; bà Quàng Thị P (là bố mẹ đẻ của anh Lò Văn H, thời điểm mua bán không làm giấy tờ mua bán đất cho đến nay), đất không sảy ra tranh chấp với ông bà, anh chị H, H xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Tại văn bản trả lời của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La về số tiền gửi tiết kiệm là 460.000.000 đồng: Khách hàng Lò Văn H; số căn cước công dân: 014085009974; Địa chỉ: Bản NC, xã CL, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Ngày 24/08/2020 khách hàng Lò Văn H gửi tiết kiệm tại Agribank Chi nhánh huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Số sổ AC00022502800; Số tiền: 460.000.000 đồng. Đến ngày 25/08/2022 khách hàng Lò Văn H đến đóng sớm sổ tiết kiệm: AC00022502800: Với số tiền (cả gốc và lãi) là: 514.418.000 đồng. Khách hàng Lò Văn H rút mang về số tiền 454.420.000 đồng và nộp lại số tiền: 60.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân số 7906205055179; Đến ngày 11/02/2023 đã sử dụng hết số tiền 60.000.000 đồng trên. Chị Quàng Thị H; số căn cước công dân: 014189002296; Địa chỉ: Bản NC, xã CL, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La không có tài khoản tiền gửi tiết kiệm liên quan đến công văn số: 25/2025/QĐ-CCTLCC ngày 06/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

* Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/2/2025, xác định: Toàn bộ đất ở nông thôn diện tích 125,2m2 của anh Lò Văn H và chị Quàng Thị H nhận chuyển nhượng của ông Lường Văn M (anh Lò Văn H và chị Quàng Thị H chưa làm thủ tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) tại tiểu khu NC, xã TC, tỉnh Sơn La có tứ cận tiếp giáp. Phía bắc giáp đất ông Lường Văn M, phía nam giáp đường bê tông một hướng đi đường tỉnh lộ 108, một hướng đi khu dân cư. Phía đông giáp đất ông Quàng Văn P. Phía tây giáp đất ông Lường Văn M.

* Tại biên bản định giá tài sản ngày 11/2/2025 của Hội đồng định giá tài sản huyện Thuận Châu và Kết luận định giá tài sản ngày 5/5/2025, kết luận tài sản đang tranh chấp giá trị được định giá cụ thể như sau:

1. Đất ở nông thôn diện tích 125,2m2 trị giá: 22.536.000 đồng.

2. Nhà sàn cột kê (cột vuông), tầng 1 và sàn tầng 2 sử dụng làm khu vực sinh hoạt của con người; mái lợp tôn, tầng 2 thưng gỗ, sàn gỗ: 60,72 m2 xây dựng trị giá: 221.870.880 đồng.

3. Xí xổm (1 chiếc), trị giá 668.000 đồng.

4. Mái che, khung cột thép, mái lợp tôn 44,72 m2 xây dựng trị giá 20.839.520 đồng.

5. Tường rào xây gạch tuynel dày 110mm 18,75 m dài, trị giá 18.693.750 đồng.

6. Gia công lắp đặt cửa sắt xếp (đã bao gồm cả phụ kiện) 2,4 x 5m, trị giá 7.848.000 đồng.

7. Cổng + rào: Gia công lắp dựng hoa sắt hộp mạ kẽm 7,5 x 1,9m, trị giá 6.170.250 đồng.

Tổng cộng giá trị tài sản = 298.626.400 đồng (hai trăm chín mươi tám triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm đồng chẵn).

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 03A/2025/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La, đã xét xử và Quyết định: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 157, Điều 158, Điều 164, Điều 165, Điều 166, Điều 169, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 1 Luật số: 85/2025/QH15 của Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025; Điều 33, Điều 59, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Lò Văn H được ly hôn với chị Quàng Thị H.

2. Về con chung: Xử giao cháu Lò Nguyệt A, sinh ngày 25/7/2009 cho anh Lò Văn H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả lao động.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Quàng Thị H cấp dưỡng nuôi con chung cháu Lò Nguyệt A, sinh ngày 25/7/2009 mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai

triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2025 đến khi cháu Lò Nguyệt A đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

4. Về tài sản chung: Xử cho anh Lò Văn H được sử dụng đất và sở hữu:

- Nhà sàn cột kê (cột vuông), tầng 1 và sàn tầng 2 sử dụng làm khu vực sinh hoạt của con người; mái lợp tôn, tầng 2 thưng gỗ, sàn gỗ: 60,72 m2 xây dựng.

- Nhà sàn khung cột gỗ, mái lợp fibrôximăng, tường thưng gỗ, sàn gỗ, diện tích 56,1m2.

- Xí xổm (1 chiếc).

- Mái che, khung cột thép, mái lợp tôn 44,72 m2 xây dựng.

- Tường rào xây gạch tuynel dày 110mm 18,75 m dài.

- Gia công lắp đặt cửa sắt xếp (đã bao gồm cả phụ kiện) 2,4 x 5m.

- Cổng + rào: Gia công lắp dựng hoa sắt hộp mạ kẽm 7,5 x 1,9m.

Tổng giá trị tài sản anh Lò Văn H được hưởng là: 124.466.200 đồng (một trăm hai mươi tư triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm đồng).

Toàn bộ tài sản trên được xây dựng trên diện tích đất ở nông thôn 125,2 m2 (đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lường Văn M) tại tiểu khu NC, xã Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

Tứ cận tiếp giáp như sau: Phía bắc giáp đất ông Lường Văn M, phía nam giáp đường bê tông một hướng đi đường tỉnh lộ 108, một hướng đi khu dân cư. Phía đông giáp đất ông Quàng Văn P, phía tây giáp đất ông Lường Văn M.

Anh Lò Văn H có quyền đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục liên quan đến đất đai.

Anh Lò Văn H có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản chênh lệch cho chị Quàng Thị H số tiền là: 124.466.200 đồng (một trăm hai mươi tư triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị Quàng Thị H buộc anh Lò Văn Hchia tài sản chung số tiền tiết kiệm gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La số tiền 257.209.000 đồng (hai trăm năm bảy triệu hai trăm linh chín nghìn đồng).

5. Về tài sản riêng: Chấp nhận yêu cầu của ông Lò Văn C và bà Quàng Thị P không yêu cầu anh Lò Văn H phải trả phần giá trị tài sản riêng đóng góp gồm: Phần góp ½ vào tường rào xây gạch dày 110mm dài trị giá là 9.694.000 đồng; Khung cửa và 02 khối gỗ của ông Lò Văn C, bà Quàng Thị P trị giá 40.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản đóng góp là 49.694.000 đồng (bốn mươi chín triệu sáu trăm chín mươi tư nghìn đồng).

6. Về nợ chung: Buộc anh Lò Văn Hợp phải trả cho ông Lò Văn C và bà Quàng Thị P số tiền là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Buộc chị Quàng Thị Hiêm phải trả cho ông Lò Văn C và bà Quàng Thị P số tiền là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của ông Lò Văn C và bà Quàng Thị P đề nghị anh Lò Văn H và chị Quàng Thị H phải trả số tiền là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04 tháng 8 năm 2025 bị đơn chị Quàng Thị H có đơn kháng cáo kháng cáo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm không nhất trí với bản án về phần con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và số tiền gửi tiết kiệm của 2 vợ chồng gửi tại ngân hàng số tiền gốc và lãi phát sinh là tài sản chung của vợ chồng cấp sơ thẩm không công nhận và phân chia, nợ chung. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, bản án không bị kháng nghị.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn anh Lò Văn H, bị đơn chị Quàng Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lò Văn C bà Quàng Thị P đều thừa nhận về nguồn gốc số tiền 514.418.000 đồng cả gốc và lãi anh Lò Văn H gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Nguồn gốc tiền gửi do hộ gia đình anh Lò Văn H, chị Quàng Thị H được hỗ trợ từ tiền đền bù di dân tái định cư thủy điện Lai Châu.

Ý kiến tranh luận của bị đơn chị Quàng Thị H, rút toàn bộ phần kháng cáo liên quan đến tài sản là quyền sử dụng đất và căn nhà gỗ hai tầng tại tiểu khu Nà C,

xã TC, tỉnh Sơn La, con chung cấp dưỡng nuôi con chung, nợ chung. Giữ lại phần nội dung kháng cáo về số tiền 514.418.000 đồng gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La cả gốc và lãi, là số tài sản chung của vợ chồng. Đề nghị chia đôi số tài sản chung là số tiền anh Lò Văn H đã gửi ngân hàng trong thời kỳ hôn nhân và anh H đã rút tiền gửi số tiền tiết kiệm của vợ chồng, nguồn gốc số tiền gửi tiết kiệm là anh chị được hỗ trợ từ tiền đền bù di dân tái định cư thủy điện Lai Châu.

Ý kiến tranh luận của nguyên đơn: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Quàng Thị H, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lò Văn C bà Quàng Thị P. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Kiểm sát viên phát biểu, quá trình thực hiện tố tụng của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo trình tự tố tụng, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đề nghị như sau. Xét đơn kháng cáo của bị đơn chị Quàng Thị H trong hạn luật định đảm bảo về hình thức, có căn cứ chấp nhận về nội dung.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần rút kháng cáo của bị đơn chị Quàng Thị H.

2. Đề nghị sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 3A/2025/HNGĐ - ST ngày 23/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La về phần chia tài sản chung của hai vợ chồng anh Lò Văn H và chị Quàng Thị H. Xác định số tiền 514.418.000 đồng gửi tiết kiệm tại Ngân hàng là tài sản chung của vợ chồng anh Lò Văn H, chị Quàng Thị H là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Anh Lò Văn H phải hoàn trả lại cho chị Quàng Thị H số tiền gửi ngân hàng là 257.209.000 đồng (hai trăm năm bảy triệu hai trăm linh chín nghìn đồng).

Về án phí; Do chấp nhận kháng cáo bản án sơ thẩm bị sửa nên chị Quàng Thị H không phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm. Anh Lò Văn H là người dân tộc thiểu số sinh sống ở bản có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đề nghị miễn án phí dân sự phúc thẩm trong vụ án ly hôn, án phí dân sự có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 09/10/2024 của anh Lò Văn H, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Quàng Thị H. Nguyên đơn anh Lò Văn H và bị đơn chị Quàng Thị H đều có hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Bản N C, xã CL, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (nay là tiểu khu NC, xã TC, tỉnh Sơn La). Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La, thụ lý sơ thẩm để giải quyết vụ án xin ly hôn và xác định quan hệ pháp luật là có căn cứ, đúng quy định, đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thời hạn kháng cáo: Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 3A/2025 ngày 23/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La đã tuyên quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của tố tụng. Đến ngày 04/8/2025, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La, nhận được đơn kháng cáo của chị Quàng Thị H. Nội dung đơn kháng cáo của bị đơn thực hiện đúng nội dung, trình tự, trong thời hạn luật định, hợp lệ về hình thức, đúng chủ thể, đảm bảo về thủ tục và nội dung theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.3] Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 30/10/2025 và tại phiên tòa phúc thẩm; Bị đơn chị Quàng Thị H, rút toàn bộ phần kháng cáo liên quan đến tài sản là quyền sử dụng đất và căn nhà gỗ hai tầng tại tiểu khu NC, xã T C, tỉnh Sơn La, về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, nợ chung. Giữ lại phần nội dung kháng cáo về số tiền 514.418.000 đồng gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La là số tài sản chung của vợ chồng đề nghị chia đôi. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần kháng cáo của bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định cần chấp nhận. Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần rút kháng cáo của bị đơn chị Quàng Thị H, vận dụng điểm c khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Về tài sản chung: Chị Quàng Thị H, anh Lò Văn H đã thống nhất, được Tòa án cấp sơ thẩm công nhận gồm các loại tài sản sau: Một ngôi nhà sàn gỗ 03 gian 02 tầng, được xây trên mảnh đất mua của ông Lường Văn Mn (người trong bản) có diện tích khoảng 97m2 đến nay đất vẫn chưa được cấp quyền sử dụng đất với giá 60.000.000 đồng và các tài sản sinh hoạt trong gia đình gồm: Một chiếc tivi, một chiếc tủ lạnh, một bộ bàn ghế phòng khách; một chiếc xe máy Vision. Toàn bộ số tài sản nêu trên, chị H rút kháng cáo, các đương sự khác không có kháng cáo, bản án không bị kháng nghị cần được giữ nguyên.

[2.2] Xét kháng cáo của bị đơn chị Quàng Thị H đối với số tiền anh Lò Văn H đang giữ số tiền gửi tiết kiệm cả gốc và lãi là 514.418.000 đồng, đây là tài sản chung của hai vợ chồng được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, chị Quàng Thị H đề nghị anh Lò Văn H phải hoàn trả chênh lệch ½ giá trị tài sản cho chị số tiền 257.209.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án tại bản tự khai và theo đề nghị của chị Quàng Thị H Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm đã tiến hành xác minh thu thập làm rõ số tiền: 460.000.000 đồng do anh Lò Văn H gửi tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Ngày 24/08/2020 anh Lò Văn H gửi tiết kiệm số tiền 460.000.000 đồng, đến ngày 25/08/2022 anh Lò Văn H đã rút số tiền cả gốc và lãi là: 514.418.000 đồng. Anh Lò Văn H rút mang về số tiền 454.420.000 đồng và nộp lại số tiền: 60.000.000 vào tài khoản cá nhân. Đến ngày 11/02/2023 đã rút và sử dụng hết số tiền 60.000.000 đồng. Anh Lò Văn H thừa nhận là người gửi tiền tiết kiệm, rút số tiền là 514.418.000 đồng. Anh H không nhất trí hoàn chênh lệch cho chị Hiêm ½ số tiền gửi tiết kiệm và lãi là 257.209.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại điều 33, Điều 35 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị định số: 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình. Xác định là tài sản chung của vợ và chồng, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân: Thời điểm hình thành tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, nguồn gốc hình thành, quyền sở hữu: Căn cứ vào sổ giao dịch trả tiền bồi thường hỗ trợ di dân tái định cư thủy điện Lai Châu, giải ngân trả cho hộ gia đình anh Lò

Văn H từ ngày 11/4/2014 đến ngày 07/4/2019 và tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi liên quan đều thống nhất xác định nguồn gốc tiền anh H gửi tại ngân hàng đã rút là một phần số tiền anh Lò Văn H và chị Quàng Thị H, được Nhà nước bồi thường hỗ trợ di dân tái định cư thủy điện Lai Châu. Phù hợp với số tiền gửi ngân hàng và giá trị tài sản chung anh chị tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân. Sổ tiết kiệm do anh Lò Văn H đứng tên được hình thành trong thời kỳ hôn nhân từ nguồn tiền bồi thường di dân tái định cư thủy điện Lai Châu. Sổ tiết kiệm do anh Lò Văn H đứng tên được xác định là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là sở hữu chung hợp nhất của vợ chồng có thể phân chia, căn cứ theo Điều 213 Bộ luật Dân sự 2015, Điều 29 Luật Hôn nhân và gia đình. Trong khi đó, thời điểm anh H gửi tiền vào ngày 24/08/2020 trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp giữa anh H và chị H chưa sảy ra mâu thuẫn vợ chồng, gia đình anh chị đang sinh sống cùng bố mẹ anh H, các khoản chi tiêu chung (ăn ở, học hành, sinh hoạt của con cái) đều sử dụng chung nguồn tài chính gia đình. Việc anh H đứng tên gửi tiết kiệm là do điều kiện thực tế, nhưng nguồn tiền phát sinh trong quá trình hôn nhân, có sự đóng góp công sức của cả hai vợ chồng, được dùng phục vụ đời sống chung.

Mặt khác anh H và ông C bà P không đưa ra căn cứ chứng minh là nguồn gốc số tiền riêng là số tiền gửi tiết kiệm của ông bà, theo lời trình bày của anh Lò Văn H, anh rút toàn bộ số tiền tiết kiệm để chi tiêu để phục vụ mục đích thiết yếu của gia đình với số tiền là 514.418.000 đồng, chi chữa chân cho cháu Lò Văn H là 20.000.000 đồng, mua gạo ăn hết 100.000.000 đồng, mua thức ăn hết 100.000.000 đồng, tiền ăn sáng và đóng học phí của 02 con 200.000.000 đồng là không phù hợp với điều kiện thực tế khách quan, không được xem là định đoạt, sử dụng tài sản chung do vợ chồng thỏa thuận, không được sự đồng ý của chị H, Trong khi đó trong thời gian anh H đi cai nghiện, chi tiêu sinh hoạt trong gia đình do chị H chi tiêu đảm bảo cuộc sống gia đình và trong thời gian cháu H bị gãy chân chị H là người trực tiếp chăm sóc con chung và chi tiêu sinh hoạt cho các cháu, các cháu sống ở bản đặc biệt khó khăn được Nhà nước hỗ trợ học phí, tiền ăn tiền gạo theo quy định của Chính phủ. Cấp sơ thẩm không xác định, phân chia giá trị tài sản chung của vợ chồng anh H chị H trong số tiền gửi tiết kiệm là thiếu sót vi phạm đến quyền lợi của chị H. Do khoản tiền này đã được anh H rút ra và quản lý, buộc anh Lò Văn H phải thanh toán cho chị Quàng Thị H ½ giá trị tương ứng là 257.209.000 đồng, đảm bảo nguyên tắc chia đôi tài sản chung khi ly hôn được quy

định tại Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình.

Từ sự phân tích, nhận định trên, chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Quàng Thị H, sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận bản án sơ thẩm bị sửa nên chị Quàng Thị H không phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm. Anh Lò Văn H phải chịu án phí chia tài sản có giá ngạch về phần tài sản chung. Hội đồng xét xử xét thấy anh Lò Văn H là người dân tộc thiểu số sinh sống ở bản có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm trong vụ án ly hôn, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với giá trị tranh chấp phần tài sản được chia cho anh Lò Văn H.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự: Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần rút kháng cáo về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, một phần về phần tài sản chung, nợ chung của người kháng cáo bị đơn chị Quàng Thị H.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn chị Quàng Thị H, sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 3A/2025/HNGĐ-ST ngày 23/7/2025 của Tòa án nhân khu vực 2 - Sơn La như sau:

Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị Quàng Thị H đối với số tiền 514.418.000 đồng gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông

thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Xác lập là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, anh Lò Văn H đã rút và tất toán tiền gửi. Buộc anh Lò Văn H phải thanh toán cho chị Quàng Thị H ½ giá trị tài sản chung tương ứng là 257.209.000 đồng (hai trăm năm mươi bảy triệu, hai trăm linh chín nghìn đồng chẵn).

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Chị Quàng Thị H không phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận. Miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm trong vụ án ly hôn, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với giá trị tranh chấp phần tài sản được chia cho anh Lò Văn H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 11/7/2025).

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND khu vực 2- Sơn La;
- Phòng THADS khu vực 2 - Sơn La;
- UBND xã Thuận Châu;
- Các đương sự;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Tuấn Long